

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/DS-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-TCDS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp đòi nợ tiền hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-TCDS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-TCDS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

2. Chị Lã Thị O, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2024 và các lời khai trong quá trình tố

tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết là hàng xóm nên vào ngày 11/02/2021 dương lịch (tức ngày 30/12/2020 âm lịch) bà L có cho T vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để trả tiền hàng tết. Khi vay chị T hỏi vay trong thời gian ngắn sẽ thu xếp trả, do tin tưởng nên bà L đồng ý. Hai bên tự nguyện thỏa thuận và hứa hẹn khi nào cần tiền gốc thì bà L báo trước cho chị T mấy ngày chị T sẽ trả gốc và lãi gấp rưỡi ngân hàng cho bà L. Tuy nhiên, khi bà L cần tiền thì chị T không trả được cho bà L số tiền vay mà trả lẻ tẻ làm nhiều lần đến nay chị T mới trả cho bà L được tổng số tiền là 88.000.000 đồng (cụ thể 01 lần 30.000.000 đồng, 01 lần 50.000.000 đồng, 04 lần mỗi lần 2.000.000 đồng). Nay bà L nhất trí trừ số tiền chị T đã trả cho bà vào tiền nợ gốc. Số tiền còn nợ lại là 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng) bà L đề nghị Tòa án buộc chị T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Về tiền nợ hội. Do quen biết nhau và là người cùng xã nên chị em có dựng lên một hội tiền do bà là chủ hội, hội chơi với mục đích hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau. Hội gồm 42 xuất (23 người tham gia), Hội đóng 5.000.000 đồng/tháng, ai được lĩnh cấp hội rồi thì phải đóng thêm 1.000.000 đồng/tháng là 6.000.000 đồng/tháng. Chị T được cấp hội số 04 và số 10. Cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 31/5/2020 cho chị T nhận tiền lĩnh hội số 4, số tiền là 42 xuất x 5.000.000 đồng = 210.000.000 đồng, lãi là 2 xuất x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng. Tổng số tiền chị T nhận xuất hội số 4 là 212.000.000 đồng.

Lần 2 ngày 30/11/2020 cho chị T nhận hội số 10, số tiền là 42 xuất x 5.000.000 đồng = 210.000.000 đồng, lãi là 8 xuất x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền chị T nhận xuất hội số 10 là 218.000.000 đồng.

Chị T tiếp tục tham gia đóng hội đến xuất số 15 ngày 30/4/2021 thì chị T không nộp tiền đóng hội nữa. Bà L là chủ hội phải tự đứng lên trả tiền hội cho những thành viên tham gia khác, cho đến tháng 7 năm 2023 thì hết hội. Tổng số tiền bà L đã trả nợ hội cho những người chơi hội suất chị T phải nộp trả là 27 xuất x 12.000.000 đồng = 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu).

Sau này bà L đã nhiều lần yêu cầu chị T trả cho bà số tiền đã vay và số tiền nợ hội nhưng chị T lý do khó khăn và không trả cho bà L, đến nay bà L không còn liên lạc được với chị T. Do vậy, bà L làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ vay gốc là 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng) và số tiền còn nợ hội là 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tư triệu đồng), tổng số tiền là 436.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật và trong quá trình giải quyết vụ án, do chị **Trần Thị T** không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị **T** trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: đăng thông tin tìm kiếm tổng đạt hợp lệ trên **báo Công lý C** số liên tiếp số 47, 48, và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12, 14, 19 tháng 6 năm 2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc bà **Nguyễn Thị L** có đơn khởi kiện chị **Trần Thị T** về việc trả các khoản gốc đã vay và tiền nợ tham gia hội nhưng không trả nhưng đến nay chị **T** không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà **L**. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà **Nguyễn Thị L**; buộc bà **Trần Thị T** trả cho bà **Nguyễn Thị L** số nợ là 436.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng). Chị **Trần Thị T** phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Nguyễn Thị L** khởi kiện yêu cầu chị **Trần Thị T** trả nợ tiền vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **huyện H, tỉnh Nam Định**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Về số nợ gốc: Nguyên đơn khai nhận do quan hệ quen biết nên đã cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc Giấy vay tiền ngày 30/12/2020 âm lịch số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và bản gốc 2 Giấy nhận tiền hội do bà L giao, lời khai của người làm chứng thành viên hội thể hiện chị T là người có tham gia chơi hội và lĩnh hai suất hội trên là đúng, theo bà L khai chị T còn nợ tiền hội do bà đóng cho là 324.000.000 đồng. Nhận thấy, đối với giấy vay tiền ngày thể hiện nội dung chị T vay số tiền 200.000.000 đồng bà L khai đã trả 88.000.000đ và chỉ yêu cầu chị T trả số tiền nợ vay còn lại là 112.000.000đ do đó cần buộc chị T phải trả cho bà L số tiền nợ vay là 112.000.000đ. Đối với khoản nợ hội giấy gốc bà L nộp thể hiện nội dung chị T có nhận tiền hội hai suất số 4 và số 10 do bà L chủ hội cấp, thành viên hội được Tòa án mời trình bày lời khai thể hiện cho T có tham gia chơi hai suất hội do bà L làm chủ là đúng. Bà L trình bày chị T tham gia đóng hội đến suất số 15 ngày 30/4/2021 thì chị T không nộp tiền đóng hội nữa. Bà L là chủ hội phải tự đứng lên trả tiền hội cho những thành viên tham gia khác, cho đến tháng 7 năm 2023 thì hết hội. Về tiền đóng hội chị T còn nợ bà L 324.000.000đồng bà L có đơn khởi kiện chị T về việc trả các khoản nợ vay và nợ hội. Lời khai của một số thành viên tham gia chơi hội khẳng định sau khi lĩnh hai suất hội và đóng hết số 15 thì chị T không đóng nữa và bỏ đi; lời trình bày của bà L đúng. Do đó có cơ sở xác định xem xét yêu cầu đòi nợ tiền nợ hội của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn mặc dù đã được thông báo họp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, do chị T không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị T trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: đăng thông tin tìm kiếm trên báo Công lý C số liên tiếp số 47, 48, và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12, 14, 19 tháng 6 năm 2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc bà L có đơn khởi kiện chị T về việc trả các khoản nợ vay và nợ hội. Tuy nhiên đến nay chị T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ

Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Như vậy có cơ sở xác định giữa bà **L** và chị **T** đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn và nợ tiền hội kết thúc tháng 7 năm 2023 theo quy định tại Điều 463, 469, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà **L** khai đã đòi nợ bị đơn nhiều lần nhưng không trả nợ và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú; cắt đứt liên lạc. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc chị **T** phải trả cho bà **L** tổng số tiền nợ vay và nợ hội là 436.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng) là phù hợp pháp luật.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị L**.

Buộc chị **Trần Thị T** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị L** số tiền là 436.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc chị **Trần Thị T** phải nộp 21.440.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **Nguyễn Thị L** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003194 ngày 05/06/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị L** và bị đơn là chị **Trần Thị T** vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Hà;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng